|  |  |
| --- | --- |
| 1UBND TỈNH ĐỒNG NAI  **SỞ XÂY DỰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đồng Nai, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO**

**Quyết định** Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH** | **THUYẾT MINH** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** | Quyết định này quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. | Thực hiện theo Nghị định 85/2024 ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá ngày 19/6/2023. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng** | Quyết định này áp dụng đối với các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. | Đối tượng áp dụng đối với các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thực hiện đúng quy định của Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá. |
| **Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi** | 1. Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi sử dụng xe ô tô số chỗ ngồi có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe).  2. Niêm yết thông tin, sử dụng đồng hồ hoặc phần mềm tính tiền, tính cước theo quy định; có trang bị phòng cháy chữa cháy.  3. Chất lượng dịch vụ phụ thuộc vào kiểu loại ô tô, các trang thiết bị phục vụ hành khách lắp trên xe ô tô, các chính sách ưu đãi cho hành khách.  4. Chi phí đơn giá theo cự ly vận chuyển tính theo km hoặc chuyến. | Thực hiện theo Nghị định 85/2024 ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, cụ thể:  - Tại khoản 3 Điều 14 quy định: *“3.* ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương******theo phân công tại Phụ lục V*** *kèm theo Nghị định này phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về giá tại địa phương (nếu có).”*.  Tại Số thứ tự 4 mục B Phụ lục V: Tên hàng hóa, dịch vụ: **dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi,** Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ: **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**.  - Tại khoản 3 Điều 28 quy định:  *“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:*  *a)* ***Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ)*** *trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại**Luật Giá và Nghị định này*  *phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn;*  *…”.* |
| **Điều 4. Tổ chức thực hiện** | 1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.  2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này | Quy định trách nhiệm thi hành của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức cá nhân có liên quan trong tổ chức thực hiện Quyết định theo Nghị định 85/2024 ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá ngày 19/6/2023. |

**So sánh nội dung** Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi

**với chính sách hỗ trợ của các tỉnh khác**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Dự thảo Quyết định**  **của tỉnh Đồng Nai** | **Tỉnh Lạng Sơn  (Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 17/02/2025)** | **Tỉnh Hải Dương  (Quyết định số 40/2025/QĐ-UBND ngày 04/4/2025)** |
| Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 1. Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi sử dụng xe ô tô số chỗ ngồi có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe).  2. Niêm yết thông tin, sử dụng đồng hồ hoặc phần mềm tính tiền, tính cước theo quy định; có trang bị phòng cháy chữa cháy.  3. Chất lượng dịch vụ phụ thuộc vào kiểu loại ô tô, các trang thiết bị phục vụ hành khách lắp trên xe ô tô, các chính sách ưu đãi cho hành khách.  4. Chi phí đơn giá theo cự ly vận chuyển tính theo km. | 1. Đặc điểm loại hình dịch vụ taxi: Cung cấp dịch vụ theo yêu cầu, phạm vi hoạt động rộng, tính cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu thường xuyên, chi phí đầu tư ban đầu lớn.  2. Đặc điểm của phương tiện: nhãn hiệu xe; số chỗ ngồi/tải trọng của phương tiện; năm sản xuất; loại nhiên liệu (pin nhiên liệu, điện); taxi tải/taxi khách; taxi truyền thống/taxi công nghệ; niêm yết phù hiệu/sử dụng đồng hồ, phần mềm tính tiền; có trang bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị giám sát hành trình.  3. Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, bảo hiểm, thuế, lệ phí (đăng kiểm, bảo trì đường bộ; cầu, đường; bến, bãi đỗ xe) của phương tiện.  4. Chi phí đơn giá theo cự ly vận chuyển tính theo km hoặc chuyến.  5. Chi phí quản lý hoạt động Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, lái xe; các loại thuế, phí. | 1. Xe ô tô chở người dưới 05 chỗ (không kể chỗ của người lái xe)  2. Xe ô tô chở người dưới 06 chỗ (không kể chỗ của người lái xe)  3. Xe ô tô chở người dưới 07chỗ (không kể chỗ của người lái xe)  4. Xe ô tô chở người dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) |